



# PLĐC TRẮC NGHIỆM - Pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương (Trường Đại học Văn Hiến)



Scan to open on Studocu

# BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

(CÓ ĐÁP ÁN)

## PHẦN 1

**Câu 1. Nhà nước do giai cấp thống trị lập nên để bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp mình là **quan điểm của học thuyết:****

- A. Mác-Lênin
- B. Thần học
- C. Gia trưởng
- D. Khế ước xã hội

**Câu 2. Tổ chức có quyền phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính:**

- A. Hội phụ nữ
- B. Mặt trận tổ quốc
- C. Công đoàn
- D. Nhà nước

**Câu 3. Kiểu Nhà nước mà trong đó giai cấp thống trị chiếm đa số trong xã hội:**

- A. Chủ nô
- B. Phong kiến
- C. Tư sản
- D. Xã hội chủ nghĩa

**Câu 4. Cách thức và trình tự thành lập ra các cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước đó là:**

- A. Hình thức chính thể
- B. Hình thức cấu trúc nhà nước
- C. Chế độ chính trị
- D. Hình thức nhà nước

**Câu 5. Hình thức cấu trúc Nhà nước đơn nhất có đặc điểm:**

- A. Một hệ thống pháp luật
- B. Hai hệ thống cơ quan Nhà nước
- C. Lãnh thổ có chủ quyền riêng
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 6. Hình thức chính thể nào sau đây không tồn tại chức danh Thủ tướng:**

- A. Cộng hòa đại nghị
- B. Quân chủ lập hiến
- C. Cộng hòa Tổng thống
- D. Cộng hòa lưỡng tính (hỗn hợp)

**Câu 7. Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân là hình thức chính thể của quốc gia:**

- A. Việt Nam
- B. Pháp
- C. Đức
- D. Nhật

**Câu 8. Hình thức cấu trúc của Nhà nước Việt nam là:**

- A. Nhà nước đơn nhất
- B. Nhà nước liên bang
- C. Nhà nước liên minh
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 9. Cơ quan quyền lực Nhà nước là:**

- A. Quốc hội
- B. Hội đồng nhân dân
- C. Chính phủ
- D. Câu A và B đúng

**Câu 10. Cơ quan thường trực của quốc hội là:**

- A. Chính phủ
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Hội đồng nhân dân các cấp
- D. Ủy ban nhân dân các cấp

**Câu 11. Cơ quan quản lý Nhà nước cấp trung ương là:**

- A. Bộ và cơ quan ngang bộ
- B. Ủy ban thường vụ quốc hội
- C. Tòa án nhân dân tối cao
- D. Viện kiểm sát nhân dân tối cao

**Câu 12. Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền quyết định việc chia, tách đơn vị hành chính cấp tỉnh:**

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Chủ tịch nước
- D. Bộ Chính trị

**Câu 13. Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền quyết định đại xá:**

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Chủ tịch nước
- D. Thủ tướng Chính phủ

**Câu 14. Tính quy phạm phổ biến là đặc tính của:**

- A. Pháp luật
- B. Đạo đức
- C. Tôn giáo
- D. Tổ chức xã hội

**Câu 15. Hình thức pháp luật chủ yếu được áp dụng ở Việt Nam là:**

- A. Văn bản quy phạm pháp luật
- B. Tập quán pháp
- C. Án lệ pháp
- D. Học lý

**Câu 16. Pháp luật phát sinh và tồn tại trong xã hội:**

- A. Có nhà nước
- B. Không có giai cấp
- C. Không có nhà nước
- D. Không có nhà nước

**Câu 17. Pháp luật tác động vào kinh tế:**

- A. Tác động tiêu cực
- B. Tác động tích cực
- C. Tích cực hoặc tiêu cực
- D. Tất cả đều sai

**Câu 18. Việt Nam không áp dụng hình thức pháp luật:**

- A. Tiền lệ pháp
- B. Học lý
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Câu A và B đúng

**Câu 19. Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc thể hiện ý chí của:**

- A. Nhà nước
- B. Tổ chức xã hội
- C. Tổ chức chính trị - xã hội
- D. Tổ chức kinh tế

**Câu 20. Nghị định là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành là:**

- A. Chính phủ
- B. Ủy ban thường vụ quốc hội
- C. Thủ tướng chính phủ
- D. Chủ tịch nước

**Câu 21. Bộ phận nào của quy phạm pháp luật nêu lên cách thức xử sự cho chủ thể được làm, không được làm, phải làm:**

- A. Giả định
- B. Quy định
- C. Chế tài
- D. Tất cả đều sai

**Câu 22. Bộ phận đảm bảo cho quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh:**

- A. Quy định
- B. Giả định
- C. Chế tài
- D. Câu A và B đúng

**Câu 23. Thời điểm năng lực pháp luật và năng lực hành vi của Pháp nhân được Nhà nước công nhận là:**

- A. Cùng một thời điểm
- B. Năng lực pháp luật được công nhận trước năng lực hành vi
- C. Năng lực hành vi được công nhận trước năng lực pháp luật

D. Câu A & C đều đúng

**Câu 24. Nội dung của quan hệ pháp luật là:**

- A. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật
- B. Những giá trị mà các chủ thể quan hệ pháp luật muốn đạt được
- C. Là các bên tham gia vào quan hệ pháp luật
- D. Là đối tượng mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào quan hệ pháp luật

**Câu 25. Khi nào pháp nhân có năng lực chủ thể:**

- A. Khi Nhà nước cho phép hoặc công nhận sự thành lập của pháp nhân
- B. Khi tổ chức có đủ số thành viên
- C. Khi các thành viên thỏa thuận thành lập pháp nhân
- D. Khi một tổ chức có đủ vốn

**Câu 26. Khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình thực hiện được các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định, đó là:**

- A. Năng lực pháp luật
- B. Năng lực hành vi
- C. Năng lực chủ thể
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 27. Cá nhân có năng lực hành vi đầy đủ khi:**

- A. Từ đủ 15 tuổi trở lên
- B. Từ đủ 21 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 6 tuổi trở lên

**Câu 28. Quan hệ xã hội nào sau đây không phải là quan hệ pháp luật:**

- A. Quan hệ vợ – chồng
- B. Quan hệ mua – bán
- C. Quan hệ Cha mẹ – con
- D. Quan hệ tình yêu nam – nữ

**Câu 29. Tổ chức được thành lập hợp pháp được gọi là:**

- A. Pháp nhân
- B. Thể nhân
- C. Cá nhân
- D. Tất cả đều sai

**Câu 30. Kết hôn là:**

- A. Hành vi pháp lý
- B. Sự biến pháp lý
- C. Sự kiện thông thường
- D. Câu A và B đúng

**Câu 31. Chủ thể thực hiện vi phạm hình sự có thể là:**

- A. Cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự
- B. Tổ chức là pháp nhân
- C. Tổ chức không là pháp nhân
- D. Người tâm thần

**Câu 32. Hành vi tổ chức đánh bạc của công chức, viên chức nhà nước bị công an bắt quả tang được xác định là hành vi:**

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm công vụ
- C. Vi phạm kỷ luật
- D. Vi phạm dân sự

**Câu 33. Chế tài nào sau đây chỉ do Tòa án áp dụng:**

- A. Chế tài hành chính
- B. Chế tài hình sự
- C. Chế tài kỷ luật
- D. Chế tài công vụ

**Câu 34. Bồi thường thiệt hại là chế tài:**

- A. Dân sự
- B. Hình sự
- C. Hành chính
- D. Kỷ luật

**Câu 35. Việt Nam không áp dụng hình thức pháp luật:**

- A. Tiền lệ pháp
- B. Học lý
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Câu A và B đúng

**Câu 36. Lệnh là văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nào sau đây ban hành:**

- A. Thủ tướng Chính phủ
- B. Chủ tịch Quốc hội
- C. Tổng Bí thư
- D. Chủ tịch nước

**Câu 37. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi:**

- A. Làm phiền người khác
- B. Bị xã hội lên án
- C. Vi phạm đạo đức xã hội
- D. Tất cả đều sai

**Câu 39. Trong các yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật, yếu tố được xem là đơn vị cơ bản nhỏ nhất trong hệ thống pháp luật là:**

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Chế định pháp luật
- C. Ngành luật
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 40. Các quy phạm pháp luật có đặc điểm chung giống nhau để điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng, đó chính là:**

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Chế định pháp luật
- C. Ngành luật
- D. Hệ thống pháp luật

**Câu 41. Tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội, đó chính là:**

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Chế định pháp luật
- C. Ngành luật
- D. Hệ thống pháp luật

**Câu 42. Các trường hợp chiếm hữu nào sau đây là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật:**

- A. Chiếm hữu vật đánh rơi không khai báo
- B. Chiếm hữu của chủ sở hữu vật
- C. Chiếm hữu do chủ sở hữu vật uỷ quyền



D. Chiếm hữu thông qua việc thuê vật của chủ sở hữu

**Câu 43. Các trường hợp quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu bị hạn chế:**

A. Bán vật là di tích lịch sử

B. Bán vật đang thế chấp

C. Bán vật đang cầm cố

D. Tất cả đều đúng

**Câu 44. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật về thừa kế:**

A. Vợ của người chết

B. Con nuôi của người chết

C. Em ruột của người chết

D. Câu a và b đều đúng

**Câu 45. Người không được thừa kế di sản là:**

A. Người tâm thần

B. Người chết cùng thời điểm với người để di sản thừa kế

C. Người chưa thành niên

D. Tất cả đều đúng

**Câu 46. Hành vi phạm tội nào sau đây không bị xem là tội phạm:**

A. Không đăng ký tạm trú, tạm vắng

B. Trộm cắp tài sản công dân

C. Đua xe trái phép gây hậu quả nghiêm trọng

D. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

**Câu 47. Độ tuổi tối thiểu chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ:**

A. Đủ 12 tuổi

B. Đủ 14 tuổi

C. Đủ 16 tuổi

D. Đủ 18 tuổi

**Câu 48. Quan hệ pháp luật hình sự là:**

A. Quan hệ phát sinh khi có hành vi phạm tội

B. Quan hệ phát sinh giữa người phạm tội với người bị hại

C. Quan hệ phát sinh giữa Nhà nước và người phạm tội khi có một tội phạm xảy ra

D. Tất cả đều đúng

**Câu 49. Hình phạt chính áp dụng trong xử phạt hành chính:**

- A. Cảnh cáo và phạt tiền
- B. Phạt tiền và tịch thu tang vật
- C. Cảnh cáo và trục xuất ra khỏi lãnh thổ
- D. Trục quyền sử dụng giấy phép

**Câu 50. Cơ quan được xử phạt hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động xét xử của Tòa án:**

- A. Tòa án
- B. Công an
- C. Viện kiểm sát
- D. Cơ quan thanh tra Nhà nước

**Câu 51. Nguyên nhân cốt lõi của sự ra đời nhà nước là:**

- A. Kết quả của 03 lần phân công lao động trong lịch sử
- B. Kết quả của nền sản xuất hàng hoá cùng những hoạt động thương nghiệp
- C. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức để dập tắt xung đột giai cấp
- D. Nhu cầu về sự cần thiết phải có một tổ chức thay thế thị tộc – bộ lạc

**Câu 52. Tính giai cấp của nhà nước thể hiện ở chỗ:**

- A. Nhà nước là một bộ máy trấn áp giai cấp
- B. Nhà nước là một bộ máy của giai cấp này thống trị giai cấp khác
- C. Nhà nước ra đời là sản phẩm của xã hội có giai cấp
- D. Cả A, B, C

**Câu 53. Chủ quyền quốc gia là:**

- A. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội
- B. Quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối ngoại
- C. Quyền ban hành văn bản pháp luật
- D. Cả A, B, C

**Câu 54. Chính sách nào sau đây thuộc về chức năng đối nội của nhà nước:**

- A. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại
- B. Tương trợ tư pháp giữa các quốc gia
- C. Tăng cường các mặt hàng xuất khẩu công nghệ cao
- D. Cả A, B, C

**Câu 55. Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại ... kiểu nhà nước, bao gồm các kiểu nhà nước là ...**

- A. 4 – chủ nô – phong kiến – tư hữu – XHCN
- B. 4 – chủ nô – phong kiến – tư sản – XHCN
- C. 4 – chủ nô – chiếm hữu nô lệ – tư bản – XHCN
- D. 4 – địa chủ – nông nô, phong kiến – tư bản – XHCN

**Câu 56. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ:**

- A. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp
- B. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị
- C. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giai cấp
- D. Cả A, B, C

**Câu 57. Nhà nước là:**

- A. Một tổ chức xã hội có giai cấp
- B. Một tổ chức xã hội có chủ quyền quốc gia
- C. Một tổ chức xã hội có luật lệ
- D. Cả A, B, C

**Câu 58. Hình thức nhà nước là cách tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước. Hình thức nhà nước được thể hiện chủ yếu ở ... khía cạnh đó là ...**

- A. 3 – hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH
- B. 3 – hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị
- C. 3 – hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ KT – XH
- D. 3 – hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị

**Câu 59. Để đảm bảo nguyên tắc thống nhất trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật thì cần phải:**

- A. Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và Luật
- B. Đảm bảo tính thống nhất của pháp luật
- C. Cả hai câu trên đều đúng
- D. Cả hai câu trên đều sai

**Câu 60. Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm:**

- A. Giả định, quy định, chế tài
- B. Chủ thể, khách thể
- C. Mặt chủ quan, mặt khách quan
- D. B và C

**Câu 61. Trong bộ máy nhà nước XHCN có sự:**

- A. Phân quyền
- B. Phân công, phân nhiệm
- C. Phân công lao động
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 62. “Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính ..., do ... ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ... của giai cấp thống trị và phụ thuộc và các điều kiện ..., là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”**

- A. Bắt buộc – quốc hội – ý chí – chính trị
- B. Bắt buộc chung – nhà nước – lý tưởng – chính trị
- C. Bắt buộc – quốc hội – lý tưởng – kinh tế xã hội
- D. Bắt buộc chung – nhà nước – ý chí – kinh tế xã hội

**Câu 63. Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật. Trong lịch sử loài người đó có ... hình thức pháp luật, đó là ...**

- A. 4 – tập quán pháp, tiền lệ pháp, điều lệ pháp và Văn bản quy phạm pháp luật
- B. 3 – tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản quy phạm pháp luật
- C. 2 – tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- D. 1 – văn bản quy phạm pháp luật

**Câu 64. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính ... do ... ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các ...**

- A. Bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ pháp luật
- B. Bắt buộc – nhà nước – quan hệ xã hội
- C. Bắt buộc chung – quốc hội – quan hệ xã hội
- D. Bắt buộc chung – nhà nước – quan hệ xã hội

**Câu 65. Chế tài có các loại sau:**

- A. Chế tài hình sự và chế tài hành chính
- B. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự
- C. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật và chế tài dân sự
- D. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài kỷ luật, chế tài dân sự và chế tài bắt buộc

**Câu 66. Tập quán pháp là:**

- A. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật
- B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật
- C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành quy phạm pháp luật
- D. Cả A, B, C

**Câu 67. Cơ quan thường trực của Quốc hội là:**

- A. Hội đồng dân tộc
- B. Ủy ban Quốc hội
- C. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 68. Ông A vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài:**

- A. Dân sự
- B. Hình sự
- C. Hành chính
- D. Kỷ luật

**Câu 69. “Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”. Bộ phận giả định là:**

- A. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa về dịch vụ.
- B. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng.
- C. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này.
- D. Người nào quảng cáo gian dối về hàng hóa, dịch vụ gây hậu quả nghiêm trọng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

**Câu 70. Tư cách thể nhân không được công nhận cho:**

- A. Những người hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam nhưng không mang quốc tịch Việt Nam
- B. Người chưa trưởng thành

C. Người chưa trưởng thành

D. Tất cả đều sai

**Câu 71. Năng lực của chủ thể bao gồm:**

A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi

B. Năng lực pháp luật và năng lực công dân

C. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức

D. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức

**Câu 72. Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam có quyền:**

A. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng

B. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TAND tối cao

C. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Viện trưởng VKSND tối cao

D. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Bộ trưởng

**Câu 73. Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm nặng môi trường. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là:**

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

**Câu 74. Chọn nhận định sai:**

A. Phó thủ tướng không nhất thiết phải là Đại biểu quốc hội

B. Năng lực pháp luật xuất hiện từ khi con người được sinh ra

C. Năng lực lao động xuất hiện từ khi công dân đủ 16 tuổi

D. Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi

**Câu 75. Trong quan hệ mua bán, khách thể là:**

A. Trong quan hệ mua bán, khách thể là:

B. Quyền sở hữu số tiền của người bán

C. Căn nhà, số tiền

D. A và B đúng

**Câu 76. Quy định thường gặp trong pháp luật hành chính:**

A. Quy định dứt khoát

B. Quy định dứt khoát

C. Quy định giao quyền

D. Tất cả đều sai

**Câu 77. Các hình thức thực hiện pháp luật bao gồm:**

A. Tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật

B. Tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật

C. Tuân thủ pháp luật và thực thi pháp luật

D. Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật

**Câu 78. Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật:**

A. Công bố Luật, Pháp lệnh

B. Thực hiện các chuyển công du ngoại giao

C. Tuyên bố tình trạng chiến tranh

D. Quyền ân xá

**Câu 79. Quyền công tố trước tòa là:**

A. Quyền truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật

B. Quyền khiếu nại tố cáo của công dân

C. Quyền xác định tội phạm

D. Cả A, B, C

**Câu 80. Đảng lãnh đạo nhà nước thông qua:**

A. Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong từng thời kỳ

B. Tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước

C. Đào tạo và giới thiệu những Đảng viên vào cơ quan nhà nước

D. Cả A, B, C

## PHẦN 1 ( tiếp theo )

**Câu 1: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện Nhà nước là:**

- A. Do có sự phân công lao động trong xã hội
- B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội.**
- C. Do con người trong xã hội phải hợp sức lại để đắp đê, chống bão lụt, đào kênh làm thủy lợi hay chống giặc ngoại xâm.
- D. Do ý chí của con người trong xã hội.

**Câu 2: Hình thái Kinh tế – Xã hội nào là chưa có Nhà nước?**

- A. Hình thái Kinh tế – Xã hội Cộng sản chủ nghĩa
- B. Hình thái Kinh tế – Xã hội Cộng sản nguyên thủy**
- C. Hình thái Kinh tế – Xã hội Tư bản chủ nghĩa
- D. Hình thái Kinh tế – Xã hội Chiếm hữu nô lệ

**Câu 3: Tổ chức Thị tộc trong xã hội Cộng sản nguyên thủy là:**

- A. Một xã hội độc lập
- B. Một tập đoàn người có cùng quan hệ huyết thống**
- C. Một tập đoàn người không có cùng quan hệ huyết thống
- D. Một tổ chức độc lập

**Câu 4: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước thì:**

- A. Nhà nước là hiện tượng tự nhiên
- B. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử**
- C. Nhà nước là hiện tượng vĩnh cửu, bất biến
- D. Nhà nước là hiện tượng xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện, tồn tại của lịch sử xã hội loài người

**Câu 5: Khi nghiên cứu về nguồn gốc Nhà nước, thì khẳng định nào sau đây là sai:**

- A. Nhà nước ra đời, tồn tại trong xã hội có giai cấp
- B. Thời kì xã hội loài người chưa có giai cấp, thì Nhà nước chưa xuất hiện
- C. Nhà nước ra đời, tồn tại cùng với lịch sử xã hội loài người**
- D. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

**Câu 6: Khi nghiên cứu về bản chất nhà nước thì khẳng định nào sau đây là**



**đúng?**

- A. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội
- B. Bất cứ nhà nước nào cũng chỉ là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp
- D. Bất cứ nhà nước nào cũng đều thể hiện bản chất giai cấp và bản chất xã hội**

**Câu 7: Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện:**

- A. Nhà nước là công cụ sắc bén nhất để quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- B. Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác**
- C. Nhà nước là công cụ để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 8: Bản chất xã hội của nhà nước được thể hiện:**

- A. Nhà nước là công cụ sắc bén để duy trì sự thống trị giai cấp
- B. Nhà nước là công cụ của đa số nhân dân lao động sử dụng để trấn áp lại thiểu số giai cấp bóc lột đã bị lật đổ cùng với bọn tội phạm phản động
- C. Nhà nước là bộ máy nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội và đảm đương các công việc chung của xã hội**
- D. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền

**Câu 9: Nhà nước nào cũng có chức năng:**

- A. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội
- B. Tổ chức và quản lý nền kinh tế
- C. Đối nội và đối ngoại**
- D. Thiết lập mối quan hệ ngoại giao

**Câu 10: Khi nghiên cứu về chức năng của nhà nước, thì khẳng định nào sau đây là sai?**

- A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại là quan trọng như nhau**
- B. Chức năng đối nội của nhà nước là cơ sở cho việc thực hiện chức năng đối ngoại
- C. Kết quả của việc thực hiện chức năng đối ngoại có tác động đến việc thực hiện chức năng đối nội
- D. Chức năng đối nội có vai trò quan trọng hơn chức năng đối ngoại

**Câu 11: Tổ chức nào dưới đây có quyền lực công:**

- A. Các tổ chức phi chính phủ
- B. Các Tổng công ty
- C. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

**D. Nhà nước**

**Câu 12: Hình thức Nhà nước Việt Nam được góc độ chính thể:**

- A. Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ tư sản
- B. Hình thức chính thể quân chủ hạn chế
- C. Hình thức chính thể cộng hòa lưỡng tính

**D. Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ**

**Câu 13: Chế độ chính trị của nhà nước Việt Nam là chế độ:**

- A. Dân chủ chủ nô
- B. Dân chủ quý tộc
- C. Dân chủ tư sản

**D. Dân chủ xã hội chủ nghĩa**

**Câu 14: “Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác” là định nghĩa của:**

- A. Các Mác
- B. Angghen

**C. Lênin**

- D. Hồ Chí Minh

**Câu 15: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước liên bang?**

- A. Việt Nam
- B. Trung Quốc
- C. Pháp

**D. Ấn Độ**

**Câu 16: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước đơn nhất?**

- A. Đức
- B. Australia

**C. Singapo**

- D. Nauy

**Câu 17: Nhà nước nào dưới đây không thuộc kiểu nhà nước Xã hội chủ nghĩa?**

- A. Việt Nam

B. Trung Quốc

**C. Campuchia**

D. Cuba

**Câu 18: Chế độ phản dân chủ là:**

A. Nhà nước độc tài

B. Vi phạm các quyền tự do của nhân dân

C. Vi phạm các quyền dân chủ của nhân dân

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 19: Hình thức chính thể quân chủ hạn chế còn có tên gọi khác là:**

A. Hình thức chính thể quân chủ chuyên chế

B. Hình thức chính thể quân chủ lập hiến

C. Hình thức chính thể quân chủ đại nghị

**D. Cả câu b và c đều đúng**

**Câu 20: Quyền lực của Vua trong hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối luôn:**

A. Bị hạn chế

**B. Vô hạn**

C. Không có quyền hành

D. Tất cả đều sai

**Câu 21: Chính thể cộng hòa đại nghị còn được gọi là:**

**A. Chính thể cộng hòa nghị viện**

B. Chính thể cộng hòa tổng thống

C. Chính thể cộng hòa lưỡng tính

D. Chính thể quân chủ đại nghị

**Câu 22: Việt Nam có quan hệ ngoại giao với các khu vực:**

A. Châu Á Thái Bình Dương – Châu Âu – Châu Mỹ

B. Châu Phi – Trung Đông

**C. Cả hai câu trên**

D. Tất cả đều sai

**Câu 23: Quốc hội nước CNXHCN Việt Nam được bầu bởi:**

A. Mọi công dân Việt Nam

**B. Công nhân Việt Nam 18 tuổi trở lên**

C. Công dân Việt Nam từ 21 trở lên

D. Công dân Việt Nam và người không có quốc tịch

**Câu 24: Một trong những bản chất của nhà nước là:**

A. Nhà nước có chủ quyền quốc gia

**B. Tính xã hội**

C. Đặt ra thuế và thu thuế dưới hình thức bắt buộc

D. Tất cả đều đúng

**Câu 25: Cơ quan nhà nước nào sau đây có vai trò tổ chức thực hiện pháp luật trên thực tế.**

**A. Chính phủ**

B. Cơ quan đại diện

C. Tòa án

D. Tất cả đều đúng

**Câu 26: Quyền công tố trước toà là:**

**A. Quyền truy tố cá nhân, tổ chức ra trước pháp luật**

B. Quyền khiếu nại tố cáo của nhân dân

C. Quyền xác định tội phạm

D. Tất cả đều đúng

**Câu 27: Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc nào:**

A. Tập trung dân chủ; Pháp chế XHCN; Đảm bảo sự lãnh đạo của ĐCS

**B. Quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các CQNN trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp**

C. Đảm bảo sự tham gia đông đảo của nhân dân vào tổ chức và hoạt động của nhà nước.

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 28: Khi nghiên cứu về bộ máy nhà nước Việt Nam thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Chính phủ có quyền giám sát toàn bộ hoạt động của nhà nước

B. Quốc hội là cơ quan nắm giữ và thực hiện cả ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp

**C. Hội đồng nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu ra**

D. Ủy ban nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu ra

**Câu 29: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì:**

A. Quốc hội có quyền ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật

B. Chính phủ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

**C. Chính phủ là cơ quan chấp hành và điều hành**

D. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

**Câu 30: Việc thực hiện quyền lực trong nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có sự:**

A. Phân chia quyền lực

**B. Phân công, phân nhiệm và phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước**

C. Ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được giao tách bạch cho 3 cơ quan Quốc hội, Chính phủ và Tòa án

D. Tập trung quyền lực vào Quốc hội và Chính phủ

**Câu 31: Cơ quan thường trực của Quốc hội nước ta là:**

A. Ủy ban Quốc hội

**B. Ủy ban thường vụ Quốc hội**

C. Ủy ban kinh tế và ngân sách

D. Ủy ban đối nội và đối ngoại

**Câu 32: Việc tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta được thể hiện:**

**A. Quyền lực nhà nước thuộc về cơ quan cấp cao, do nhân dân bầu ra theo nhiệm kỳ**

B. Quyền lực nhà nước thuộc về người đứng đầu nhà nước

C. Quyền lực nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần vào trong tay người đứng đầu nhà nước

D. Tất cả đều đúng

**Câu 33: Bộ máy nhà nước nói chung thường có mấy hệ thống cơ quan:**

A. Một hệ thống cơ quan

B. Hai hệ thống cơ quan

**C. Ba hệ thống cơ quan**

D. Bốn hệ thống cơ quan

**Câu 34: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ quyền quốc gia khi nào?**

A. Năm 1930

**B. Năm 1945**

C. Năm 1954

D. Năm 1975

**Câu 35: Việc tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam theo nguyên tắc nào?**

A. Phân quyền

**B. Tập quyền XHCN**

C. Tam quyền phân lập

D. Quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào Quốc hội và Chính phủ

**Câu 36: Bản chất Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được thể hiện:**

A. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

B. Là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

C. Nhân dân được kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 37: Chức năng đối nội của Nhà nước Việt Nam được thể hiện:**

A. Gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực

B. Tổ chức và quản lý nền kinh tế, thiết lập quan hệ đối ngoại

**C. Tổ chức và quản lý các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân**

D. Bao gồm cả 3 ý trên

**Câu 38: Bộ máy Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam gồm có các loại cơ quan?**

**A. Cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp**

B. Cơ quan Quốc hội, cơ quan Chính phủ, cơ quan xét xử

C. Cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát

D. Tất cả đều đúng

**Câu 39: Trong bộ máy Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thì Quốc hội là:**

A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

B. Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân

C. Cơ quan có quyền lập hiến, lập pháp

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 40: Hình thức cấu trúc lãnh thổ của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là:**

- A. Nhà nước đơn nhất**
- B. Nhà nước liên bang
- C. Nhà nước liên minh
- D. Nhà nước tự trị

**Câu 41: Hình thức chính thể của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là:**

- A. Quân chủ
- B. Cộng hòa
- C. Cộng hòa dân chủ**
- D. Quân chủ đại nghị

**Câu 42: Chủ tịch nước ta có quyền:**

- A. Quyết định mọi vấn đề quan trọng của đất nước
- B. Lập hiến và lập pháp
- C. Thay mặt nhà nước để quyết định mọi vấn đề đối nội và đối ngoại
- D. Công bố Hiến pháp, luật và pháp lệnh**

**Câu 43: Hội đồng nhân dân các cấp là:**

- A. Do Quốc hội bầu ra
- B. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
- C. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương**
- D. Cơ quan chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên

**Câu 44: Khi nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam, thì khẳng định nào sau đây là sai?**

- A. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp
- B. Chính phủ là cơ quan hành pháp
- C. Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất có quyền truy tố người phạm tội
- D. Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và thi hành án**

**Câu 45: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Ủy ban nhân dân các cấp là:**

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- B. Cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân ở địa phương

**C. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương**

D. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

**Câu 46: Ủy ban thường vụ quốc hội là cơ quan thuộc:**

A. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước

**B. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước**

C. Hệ thống cơ quan xét xử

D. Hệ thống cơ quan kiểm sát

**Câu 47: Cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Việt Nam có quyền hành pháp?**

A. Quốc hội

**B. Chính Phủ**

C. Tòa án

D. Viện kiểm sát

**Câu 48: Cơ quan nào trong bộ máy nhà nước Việt Nam có quyền tư pháp?**

A. Quốc Hội và Tòa án

B. Tòa án và Viện Kiểm sát

**C. Quốc hội và Chính phủ**

D. Chính phủ và Viện Kiểm sát.

**Câu 49: Bộ Công thương là cơ quan trực thuộc:**

A. Quốc Hội

B. Ủy ban thường vụ Quốc hội

**C. Chính phủ**

D. Cơ quan quyền lực nhà nước

**Câu 50: Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước Việt Nam là:**

A. Do Chính phủ bầu ra

**B. Do nhân dân địa phương bầu ra**

C. Do Quốc Hội bầu ra

D. Do Ủy ban nhân dân bầu ra

**Câu 51: Ủy Ban nhân dân các cấp trong bộ máy nhà nước Việt Nam là:**

A. Do Chính phủ bầu ra

B. Do nhân dân địa phương bầu ra

C. Do Quốc Hội bầu ra



**D. Do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra**

**Câu 52: Ủy ban nhân dân trong bộ máy nhà nước Việt Nam là cơ quan thuộc:**

A. Hệ thống cơ quan Quyền lực nhà nước

**B. Hệ thống cơ quan Hành chính nhà nước**

C. Hệ thống cơ quan Xét xử

D. Hệ thống cơ quan Kiểm sát

**Câu 53: Quốc Hội khóa XII của nhà nước ta có nhiệm kỳ:**

A. 2 năm

B. 3 năm

**C. 4 năm**

D. 5 năm

**Câu 54: Chủ tịch nước Việt Nam hiện nay là người đứng đầu:**

A. Chính phủ

B. Quốc Hội

**C. Nhà nước**

D. Tất cả đều đúng

**Câu 55: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước CHXHCN. Việt Nam về:**

A. Điều hành mọi hoạt động của đất nước

B. Quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước

**C. Đối nội và đối ngoại**

D. Tất cả đều đúng

**Câu 56: Nguyên nhân ra đời của nhà nước và pháp luật là:**

**A. Hoàn toàn giống nhau**

B. Hoàn toàn khác nhau

C. Do nhu cầu chủ quan của xã hội

D. Do nhu cầu khách quan của xã hội

**Câu 57: Nhà nước có những biện pháp nào nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật?**

A. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

B. Đưa kiến thức pháp luật vào chương trình giảng dạy trong trường học

C. Đưa các văn bản pháp luật lên mạng Internet để mọi người cùng tìm hiểu

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 58: Pháp luật xuất hiện là do:**

- A. Xuất phát từ ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội
- B. Nhà nước tự đặt ra

**C. Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận**

- D. Xuất phát từ những phong tục, tập quán, tín điều tôn giáo trong xã hội

**Câu 59: Pháp luật có thuộc tính cơ bản là:**

- A. Tính cưỡng chế
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức
- C. Tính quy phạm và phổ biến

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 60: Pháp luật có mấy thuộc tính cơ bản?**

A.2

**B. 3**

C.4

D.5

**Câu 61: Tính cưỡng chế của pháp luật được thể hiện:**

- A. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử phạt hành chính
- B. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng hình phạt
- C. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kỷ luật

**D. Những hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài**

**Câu 62: Những quy phạm xã hội tồn tại trong chế độ cộng sản nguyên thủy là:**

- A. Đạo đức
- B. Tập quán
- C. Tín điều tôn giáo

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 63: Đáp án nào sau đây thể hiện vai trò của pháp luật?**

- A. Là phương tiện để nhân dân phục vụ lợi ích cho riêng mình
- B. Là phương tiện để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội**
- C. Là công cụ để Nhà nước cưỡng chế đối với mọi người trong xã hội
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 64: Quy phạm nào sau đây là quy phạm xã hội:**

- A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- B. Quy chế của Bộ Giáo dục –Đào tạo
- C. Nghị quyết của Quốc Hội

**D. Điều lệ của Đảng cộng sản**

**Câu 65: Quy phạm nào sau đây là quy phạm pháp luật:**

- A. Điều lệ của hội đồng hương
- B. Nghị quyết của Đảng cộng sản

**C. Nghị quyết của Quốc hội**

- D. Điều lệ của Đảng cộng Sản

**Câu 66: Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau**

**đây?**

- A. Luật giáo dục

**B. Thông tư**

- C. Nghị định
- D. Nghị quyết

**Câu 67: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây là loại văn bản luật?**

- A. Bộ luật
- B. Hiến pháp
- C. Nghị quyết của Quốc hội

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 68: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:**

- A. Nghị định
- B. Chỉ thị

**C. Nghị quyết**

- D. Thông tư

**Câu 69: Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lí cao nhất là:**

**A. Hiến pháp**

- B. Luật hình sự
- C. Luật dân sự
- D. Luật hiến pháp

**Câu 70: Văn bản luật là loại văn bản do:**

**A. Quốc Hội ban hành**

- B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành
- D. Chính phủ ban hành

**Câu 71: Nhà nước và pháp luật là hai yếu tố đều thuộc:**

A. Cơ sở hạ tầng

**B. Kiến trúc thượng tầng**

- C. Quan hệ sản xuất thống trị
- D. Cả ba câu trên đều sai

**Câu 72: Kiểu pháp luật phong kiến thể hiện ý chí của:**

- A. Giai cấp địa chủ
- B. Giai cấp thống trị
- C. Giai cấp phong kiến

**D. Cả ba câu trên đều đúng**

**Câu 73: Có bao nhiêu kiểu pháp luật đã và đang tồn tại?**

- A. 2
- B. 3
- C. 4**
- D. 5

**Câu 74: Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật. Trong lịch sử loài người đã có ... hình thức pháp luật, đó là ...**

- A. 4 - tập quán pháp, tiền lệ pháp, điều lệ pháp và Văn bản quy phạm pháp luật
- B. 3 - tập quán pháp, tiền lệ pháp, văn bản quy phạm pháp luật**
- C. 2 - tập quán pháp và văn bản quy phạm pháp luật
- D. 1 - văn bản quy phạm pháp luật

**Câu 75: Tập quán pháp là:**

- A. Biến đổi những tục lệ, tập quán có sẵn thành pháp luật**
- B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật
- C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành quy phạm pháp luật
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 76: Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất và được sử dụng nhiều trong**

**các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là:**

A. Tiền lệ pháp

B. Điều lệ pháp

**C. Tập quán pháp**

D. Văn bản quy phạm pháp luật

**Câu 77: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về pháp luật thì:**

**A. Pháp luật là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử**

B. Pháp luật là một hiện tượng xã hội

C. Pháp luật là một hiện tượng tự nhiên

D. Pháp luật là một hiện tượng tồn tại mãi mãi cùng với sự tồn tại của lịch sử xã hội loài người

**Câu 78: Pháp luật là:**

A. Những quy định mang tính bắt buộc chung cho mọi người trong xã hội

B. Những quy định mang tính cưỡng chế đối với các cơ quan, tổ chức trong xã hội

C. Những quy định do cơ quan nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định

**D. Những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo đảm thực hiện**

**Câu 79: Khi nghiên cứu về bản chất của pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Pháp luật là ý chí giai cấp thống trị được đề lên thành luật

**B. Pháp luật bao giờ cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội**

C. Pháp luật là hiện tượng vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội

D. Pháp luật vừa mang tính chủ quan lại vừa mang tính khách quan

**Câu 80: Bản chất giai cấp của pháp luật được thể hiện:**

**A. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được đề lên thành luật**

B. Pháp luật chính là sự phản chiếu thực tại khách quan

C. Pháp luật là công cụ hữu hiệu để tổ chức quản lý xã hội

D. Tất cả đều đúng

**Câu 81: Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Xuất phát từ ... cho nên bất cứ nhà nước nào cũng dùng pháp luật làm phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội.**

A. Tính cưỡng chế của pháp luật

- B. Tính quy phạm và phổ biến của pháp luật
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật
- D. Những thuộc tính cơ bản của pháp luật**

**Câu 82: Việc thực hiện pháp luật được đảm bảo bằng:**

- A. Đường lối, chính sách của Nhà nước
- B. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước
- C. Cường chế nhà nước
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 83: Pháp luật có chức năng:**

- A. Là phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- B. Điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội chủ yếu**
- C. Là cơ sở để hoàn thiện bộ máy nhà nước
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 84: Vai trò của pháp luật được thể hiện:**

- A. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong xã hội
- B. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý xã hội
- C. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân**
- D. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm

**Câu 85: Pháp luật là phương tiện để:**

- A. Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- B. Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- C. Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 86: Pháp luật không tồn tại trong xã hội nào?**

- A. Xã hội không có tư hữu
- B. Xã hội không có giai cấp
- C. Xã hội không có nhà nước
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 87: Đáp án nào sau đây thể hiện thuộc tính của pháp luật?**

- A. Tính chính xác
- B. Tính quy phạm và phổ biến**
- C. Tính minh bạch
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 88: Khi nghiên cứu về các thuộc tính của pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?**

- A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài
- B. Việc tuân theo pháp luật thường phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người**
- C. Pháp luật là thước đo cho hành vi xử sự của con người
- D. Pháp luật và đạo đức đều mang tính quy phạm

**Câu 89: Quy phạm pháp luật và quy phạm xã hội:**

- A. Hoàn toàn giống nhau
- B. Hoàn toàn khác nhau
- C. Có điểm giống nhau và khác nhau**
- D. Chỉ có điểm khác nhau, không có điểm giống nhau

**Câu 90: Khi nghiên cứu về chức năng của pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

- A. Pháp luật là công cụ bảo vệ tất cả các mối quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội
- B. Pháp luật điều chỉnh tất cả các mối quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội
- C. Pháp luật nghiêm cấm những hành vi xâm hại, làm ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh**
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 91: Khi nghiên cứu về kiểu pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

- A. Tương ứng với 5 hình thái kinh tế - xã hội, thì có 5 kiểu pháp luật
- B. Tương ứng với mỗi chế độ xã hội thì có một kiểu pháp luật
- C. Tương ứng với mỗi kiểu nhà nước thì có một kiểu pháp luật**
- D. Tương ứng với mỗi hình thái kinh tế - xã hội, thì có một kiểu pháp luật

**Câu 92: Điểm giống nhau của các kiểu pháp luật trong lịch sử là:**

- A. Điều mang tính đồng bộ
- B. Điều mang tính khách quan

**C. Điều thể hiện ý chí của giai cấp thống trị**

D. Điều thể hiện ý chí của nhân dân trong xã hội

**Câu 93: Nhà nước và pháp luật có mối quan hệ:**

A. Là tiền đề

B. Là cơ sở của nhau

C. Cùng tác động đến nhau

**D. Các câu trên đều đúng**

**Câu 94: Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế thì khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật

**B. Pháp luật không quan hệ gì với kinh tế**

C. Pháp luật luôn có sự tác động tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế

D. Khi kinh tế có sự thay đổi, sẽ kéo theo sự thay đổi của pháp luật

**Câu 95: Pháp luật và chính trị là hai hiện tượng do**

A. Kiến trúc thượng tầng quyết định

**B. Cơ sở hạ tầng kinh tế của xã hội quyết định**

C. Nhà nước quyết định

D. Tất cả đều đúng

**Câu 96: Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức thì khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Pháp luật và đạo đức đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng

B. Pháp luật và đạo đức đều được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội

C. Pháp luật và đạo đức đều là quy phạm có tác dụng điều chỉnh đến hành vi xử sự của con người trong xã hội

**D. Pháp luật và đạo đức đều được nhà nước sử dụng để điều chỉnh tất cả các quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội**

**Câu 97: Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: Kiểu pháp luật là tổng thể các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong ...**

A. Một nhà nước nhất định

B. Trong một giai đoạn lịch sử nhất định

C. Một chế độ xã hội nhất định



**D. Một hình thái Kinh tế – Xã hội nhất định**

**Câu 98:** Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: **Hình thức ... do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, trong đó có những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.**

**A. Văn bản quy phạm pháp luật**

B. Tập quán pháp

C. Tiền lệ pháp

D. Án lệ pháp

**Câu 99: Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất vì:**

A. Được nhà nước thừa nhận từ một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội

**B. Luôn có tính rõ ràng, cụ thể, điều chỉnh được nhiều quan hệ xã hội trên các lĩnh vực khác nhau**

C. Ngày càng được sử dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới

D. Tất cả đều đúng

**Câu 100: Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng:**

**A. Cùng phát sinh, tồn tại và tiêu vong**

B. Có nhiều nét tương đồng với nhau và có sự tác động qua lại lẫn nhau

C. Cùng thuộc kiến trúc thượng tầng

D. Tất cả đều đúng

**Câu 101: Trong mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chúng ta thấy rằng:**

A. Pháp luật và kinh tế đều là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng

B. Pháp luật giữ vai trò chủ đạo, quyết định đối với kinh tế

**C. Pháp luật vừa chịu sự tác động, chi phối của kinh tế; đồng thời lại vừa có sự tác động đến kinh tế rất mạnh mẽ**

D. Pháp luật và kinh tế có nhiều nét tương đồng với nhau

**Câu 102: Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị được thể hiện:**

A. Pháp luật là linh hồn của đường lối chính trị

**B. Việc thực hiện pháp luật là thực tiễn để kiểm nghiệm về tính đúng đắn và hiệu quả của đường lối chính trị**

C. Việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng luôn phải dựa trên ý thức pháp luật của nhân dân

D. Tất cả đều đúng

**Câu 103: Pháp luật và đạo đức là hai hiện tượng:**

- A. Điều mang tính quy phạm
- B. Điều mang tính bắt buộc chung
- C. Điều là quy phạm tồn tại ở dạng thành văn

**D. Điều do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận**

**Câu 104: Quy phạm nào sau đây là quy phạm xã hội:**

- A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- B. Quy chế của Bộ Giáo dục –Đào tạo
- C. Nghị quyết của Quốc Hội

**D. Điều lệ của Đảng cộng Sản**

**Câu 105: Quy phạm nào sau đây là quy phạm pháp luật:**

- A. Điều lệ của hội đồng hương
- B. Nghị quyết của Đảng cộng sản

**C. Nghị quyết của Quốc Hội**

D. Điều lệ của Đảng cộng Sản

**Câu 106: Luật giáo dục do cơ quan nào sau đây ban hành?**

- A. Bộ Giáo dục, Đào tạo
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chính phủ

**D. Quốc hội**

**Câu 107: Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây?**

A. Luật giáo dục

**B. Chỉ thị**

C. Nghị định

D. Nghị quyết

**Câu 108: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu: ... là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành.**

A. Pháp lệnh

B. Quyết định

C. Văn bản dưới luật

**D. Văn bản luật**

**Câu 109: Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây:**

- A. Chỉ thị
- B. Thông tư
- C. Nghị định**
- D. Quyết định

**Câu 110: Văn bản quy phạm pháp luật có mấy loại:**

- A. 3 loại là: Hiến pháp; Đạo luật, bộ luật; văn bản dưới luật
- B. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản dưới luật**
- C. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản áp dụng pháp luật
- D. 1 loại là: bao gồm tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

**Câu 111: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây là loại văn bản luật?**

- A. Luật, bộ luật
- B. Hiến pháp
- C. Nghị quyết của Quốc hội
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 112: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:**

- A. Nghị định
- B. Chỉ thị
- C. Nghị quyết**
- D. Thông tư

**Câu 113: Văn bản quy phạm pháp luật giá trị pháp lý cao nhất là:**

- A. Hiến pháp**
- B. Luật hình sự
- C. Luật dân sự
- D. Luật Hành chính

**Câu 114: Văn bản luật là loại văn bản do:**

- A. Quốc Hội ban hành**
- B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành
- D. Chính phủ ban hành

**Câu 115: Thực hiện pháp luật là:**

- A. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật nhằm làm cho những quy định của

pháp luật đi vào cuộc sống.

B. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật luôn có sự tham gia của nhà nước.

**C. Một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật**

D. Quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật

**Câu 116: Tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:**

A. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.

**B. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hành vi mà pháp luật ngăn cấm.**

C. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.

D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.

**Câu 117: Thi hành pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:**

**A. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.**

B. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.

C. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.

D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.

**Câu 118: Sử dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:**

**A. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.**

B. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.

C. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.

D. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.

**Câu 119: Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó:**

A. Luôn luôn có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**B. Nhà nước tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật**

C. Nhà nước bắt buộc các chủ thể pháp luật phải thực hiện những quy định của pháp luật.

D. Các chủ thể pháp luật tự mình thực hiện những quy định của pháp luật.

**Câu 120:** Tìm đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: **Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật có lỗi do ... , xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.**

- A. Chủ thể có năng lực pháp luật thực hiện
- B. Chủ thể có năng lực hành vi thực hiện
- C. Chủ thể đủ 18 tuổi thực hiện
- D. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện**

**Câu 121:** Vi phạm pháp luật có mấy dấu hiệu cơ bản?

- A. 2
- B. 3
- C. 4**
- D. 5

**Câu 122:** Hành vi trái pháp luật nào sau đây là dạng hành vi không hành động?

- A. Xúi giục người khác trộm cắp tài sản
- B. Đe dọa giết người
- C. Không đóng thuế**
- D. Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

**Câu 124:** Hành vi nào sau đây là hành vi trái pháp luật?

- A. Hành vi vi phạm vào điều lệ Đảng
- B. Hành vi vi phạm vào điều lệ đoàn
- C. Hút thuốc lá trong khuôn viên của trường Đại học Công nghiệp**
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 125:** Dấu hiệu của vi phạm pháp luật là:

- A. Hành vi xác định của con người
- B. Hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi đó
- C. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật có năng lực trách nhiệm pháp lý
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 126:** Anh Nguyễn Văn A có hành vi cướp xe máy của chị Lê Thị B, vậy khách thể của hành vi vi phạm pháp luật trên là:

- A. Chiếc xe gắn máy
- B. Quyền sử dụng xe gắn máy của B
- C. Quyền định đoạt xe gắn máy của B

**D. Quyền sở hữu về tài sản của B**

**Câu 127: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật thì khẳng định nào sau đây là sai?**

**A. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hình sự, vừa là vi phạm pháp luật hành chính**

B. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hành chính, vừa là vi phạm pháp luật dân sự

C. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật dân sự, vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm kỉ luật

D. Một hành vi có thể đồng thời vi phạm vào nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau

**Câu 128: Có mấy hình thức lỗi?**

**A. 2**

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 129: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí thì khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Vi phạm pháp luật là cơ sở của trách nhiệm pháp lí

B. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lí có tác dụng làm hạn chế vi phạm pháp luật

C. Trách nhiệm pháp lí chỉ phát sinh trên cơ sở có vi phạm pháp luật

**D. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lí hình sự**

**Câu 130: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lí hành chính

B. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm pháp lí hình sự

C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng trách nhiệm kỉ luật

**D. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng trách nhiệm pháp lí**

**Câu 131: Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Mọi hành vi trái pháp luật đều xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ

B. Mọi hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ đều là hành vi vi phạm pháp luật

**C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều trái pháp luật**

D. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật

**Câu 132: Thông thường vi phạm pháp luật được phân thành các loại:**

A. Tội phạm và vi phạm pháp luật khác

**B. Vi phạm pháp luật hình sự; vi phạm pháp luật dân sự; vi phạm pháp luật hành chính và vi phạm kỷ luật**

C. Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi

D. Vi phạm luật tài chính, vi phạm luật đất đai, vi phạm luật lao động, vi phạm luật hôn nhân, gia đình

**Câu 133: Có mấy loại vi phạm pháp luật?**

A. 2

B. 3

**C. 4**

D. 5

**Câu 134: Hành vi trái pháp luật là:**

A. Không làm những việc mà pháp luật buộc phải làm

B. Đã làm những việc mà pháp luật cấm

C. Thực hiện hành vi vượt quá giới hạn pháp luật cho phép

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 135: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Một hành vi trái pháp luật thì bao giờ cũng xâm hại tới ... :**

A. Quan hệ ngoại giao

B. Quan hệ gia đình

**C. Quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ**

D. Mọi quan hệ trong đời sống xã hội

**Câu 136: Vi phạm pháp luật là:**

A. Hành vi trái pháp luật, do con người thực hiện

B. Chủ thể thực hiện hành vi đó phải có lỗi

C. Chủ thể thực hiện hành vi đó phải có năng lực trách nhiệm pháp lý

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 137: Năng lực trách nhiệm pháp lý là:**

A. Khả năng của cá nhân thực hiện được những hành vi nhất định

B. Khả năng của tổ chức thực hiện được những hành vi nhất định

C. Khả năng của cá nhân, tổ chức phải gánh chịu trách nhiệm từ hành vi trái pháp luật và hậu quả từ hành vi đó

D. Tất cả đều đúng

**Câu 138: Hành vi nào sau đây là hành vi vi phạm pháp luật?**

A. Vi phạm nội quy, quy chế trường học

B. Vi phạm điều lệ Đảng

C. Vi phạm điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản

D. Vi phạm tín điều tôn giáo

**Câu 139: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hành chính?**

A. Vượt đèn đỏ gây tai nạn nghiêm trọng

B. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

C. Đi vào đường cấm, đường ngược chiều

D. Sử dụng tài liệu khi làm bài thi

**Câu 140: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hình sự?**

A. Gây mất trật tự nơi công cộng

B. Bán hàng lấn chiếm lòng, lề đường

C. Chống người thi hành công vụ

D. Không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe gắn máy ở tuyến đường bắt buộc

**Câu 141: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật dân sự?**

A. Xây dựng nhà trái phép

B. Cướp giật tài sản

C. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

D. Sử dụng tác phẩm âm nhạc không xin phép tác giả

**Câu 142: Hành vi nào sau đây là vi phạm kỷ luật?**

A. Vi phạm điều lệ đoàn thanh niên cộng sản

B. Sử dụng trái phép chất ma túy

C. Gây mất trật tự trong phòng thi

D. Trộm tivi của người khác

**Câu 143: Học sinh, sinh viên vi phạm vào nội quy, quy chế của trường học có phải là vi phạm pháp luật không?**

A. Phải



- B. Không phải
- C. Tùy vào từng trường hợp vi phạm cụ thể để xem xét có phải hay không
- D. Có thể là vi phạm pháp luật, có thể không phải

**Câu 144: Hành vi gây mất trật tự trong lớp học, thuộc loại vi phạm nào sau đây?**

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hành chính
- C. Vi phạm kỷ luật**
- D. Vi phạm dân sự

**Câu 145: Trách nhiệm pháp lý là:**

- A. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với nhà nước
- B. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với chủ thể bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại
- C. Việc nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật
- D. Những hậu quả pháp lý bất lợi mà nhà nước áp dụng đối với chủ thể đã vi phạm pháp luật**

**Câu 146: Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý:**

- A. Chỉ được áp dụng khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội**
- B. Về hình thức là quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể vi phạm pháp luật thực hiện bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật
- C. Là quá trình nhà nước xử lý hành vi vi phạm pháp luật
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 147: Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là nhằm:**

- A. Trừng phạt chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- B. Cải tạo, giáo dục chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- C. Phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật đối với mọi người
- D. Trừng phạt, cải tạo, giáo dục chủ thể vi phạm pháp luật và phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người**

**Câu 148: Khi nghiên cứu về các nguyên tắc truy cứu trách nhiệm pháp lý thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

- A. Một hành vi vi phạm pháp luật cụ thể có thể áp dụng đồng thời trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.
- B. Một hành vi vi phạm pháp luật phải áp dụng nhiều loại trách nhiệm pháp lý

C. Một hành vi vi phạm kỷ luật có thể áp dụng đồng thời trách nhiệm hành chính và trách nhiệm vật chất.

**D. Một hành vi vi phạm pháp luật chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý một lần**

**Câu 149: Có mấy loại trách nhiệm pháp lý?**

A. 2

B. 3

**C. 4**

D. 5

**Câu 150: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống câu: Trách nhiệm pháp lý hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất, do ... áp dụng cho chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội.**

**A. Tòa án**

B. Viện kiểm sát

C. Công an

D. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

**Câu 151: Thông thường trách nhiệm pháp lý được phân thành các loại nào?**

A. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý dân sự

**B. Trách nhiệm pháp lý hình sự; trách nhiệm pháp lý hành chính; trách nhiệm pháp lý dân sự và trách nhiệm kỷ luật**

C. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý hành chính

D. Không thể xác định chính xác

**Câu 152: Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự?**

A. Công an

B. Chủ tịch Ủy Ban nhân dân

**C. Tòa án**

D. Viện kiểm sát

**Câu 153: Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hành chính?**

**A. Các cơ quan quản lý nhà nước**

B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân

C. Tòa Án

D. Viện kiểm sát

**Câu 154: Người nào sau đây có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm kỉ luật?**

A. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, xí nghiệp...

B. Chủ tịch nước

C. Thư kí Tòa án nhân dân

D. Tất cả đều đúng

**Câu 155: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Trách nhiệm pháp lí dân sự do ... áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật dân sự.**

A. Tòa án

B. Viện Kiểm Sát

C. Công an

D. Cơ quan có thẩm quyền

**Câu 156: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Trách nhiệm pháp lí hành chính do ... áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật hành chính.**

A. Tòa án

B. Viện Kiểm Sát

C. Công an

D. Cơ quan quản lí nhà nước có thẩm quyền

**Câu 157: Hiến pháp là một đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì:**

A. Do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành

B. Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của nhà nước

C. Có giá trị pháp lý cao nhất

D. Tất cả đều đúng

**Câu 158: Điều 54 Hiến pháp nhà nước ta quy định độ tuổi để ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân là:**

A. Đủ 18 tuổi trở lên

B. Đủ 19 tuổi trở lên

C. Đủ 20 tuổi trở lên

D. Đủ 21 tuổi trở lên

**Câu 159: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong văn bản**

**luật nào?**

A. Luật Hình sự

B. Luật Dân sự

C. Luật Lao động

**D. Luật Hiến pháp**

**Câu 160: Những quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong:**

**A. Rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau**

B. Luật Dân sự

C. Luật Lao động

D. Hiến pháp

**Câu 161: Điều 54 Hiến pháp nhà nước ta quy định công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào cơ quan nào sau đây?**

A. Chính phủ

**B. Quốc Hội và Hội đồng nhân dân**

C. Ủy ban nhân dân các cấp

D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương

**Câu 162: Tiền lương là một chế định của ngành luật:**

A. Dân sự

B. Hành chính

C. Bảo hiểm xã hội

**D. Lao động**

**Câu 163: Theo quy định của Luật lao động thì có mấy loại hợp đồng lao động bằng văn bản:**

A. Hai

**B. Ba**

C. Bốn

D. Năm

**Câu 164: Bảo hiểm tự nguyện có mấy chế độ?**

A. Ba

B. Bốn

**C. Hai**

D. Sáu

**Câu 165: Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là:**

- A. Tự nguyện
- B. Thỏa thuận
- C. Bình đẳng
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 166: Hợp đồng lao động được quy định trong văn bản nào?**

- A. Luật dân sự
- B. Luật lao động**
- C. Luật doanh nghiệp
- D. Luật thương mại

**Câu 167: Điều 32 Luật lao động quy định: tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc là:**

- A. Ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó**
- B. Ít nhất phải bằng 50% mức lương cấp bậc của công việc đó
- C. Ít nhất phải bằng 60% mức lương cấp bậc của công việc đó
- D. Ít nhất phải bằng 40% mức lương cấp bậc của công việc đó

**Câu 168: Điều 32 Luật lao động quy định: thời gian thử việc là:**

- A. Không được quá 90 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao
- B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao**
- C. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác
- D. Không được quá 40 ngày đối với lao động khác

**Câu 169: Điều 36, 37 Luật lao động quy định: đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi:**

- A. Báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày
- B. Do ốm đau, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi
- C. Do tai nạn, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi
- D. Tất cả đều đúng**

**Câu 170: Theo quy định của Luật lao động thì người lao động được nghỉ bao nhiêu ngày lễ, tết trong năm:**

- A. Tám ngày
- B. Chín ngày**
- C. Mười ngày

D. Nhà nước sẽ qui định số ngày nghỉ cho năm đó

**Câu 171: Điều 157 Luật lao động quy định: tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và lợi ích phát sinh trong quan hệ lao động giữa:**

A. Người lao động với tập thể lao động

B. Tổ chức Công đoàn với người sử dụng lao động

**C. Người lao động, tập thể lao động với người sử dụng lao động**

D. Người lao động, tập thể lao động với tổ chức Công đoàn

**Câu 172: Khi nghiên cứu về quyền của người sử dụng lao động thì khẳng định nào sau đây là sai:**

A. Được tuyển chọn người lao động, bố trí công việc theo quy định của pháp luật

B. Được khen thưởng, xử lý người lao động vi phạm kỉ luật theo quy định của pháp luật

**C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong mọi trường hợp**

D. Được cử đại diện để kí kết thỏa ước lao động tập thể

**Câu 173: Người lao động có nghĩa vụ:**

**A. Chấp hành đúng quy định về an toàn lao động**

B. Hoàn thành những công việc được giao trong mọi trường hợp

C. Tuân theo sự điều động của người sử dụng lao động trong mọi trường hợp

D. Tất cả đều đúng

**Câu 174: Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:**

A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động

B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động

C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 175: Nhà nước ta đã có những bản hiến pháp nào?**

A. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992

B. Hiến pháp 1945 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992

**C. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992**

D. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 2001

**Câu 176: Hiến pháp đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam hiện nay được ban hành năm nào?**

A. Năm 1980

B. Năm 1959

**C. Năm 1992**

D. Năm 2001

**Câu 177: Hiến pháp là một đạo luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì:**

A. Do Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành

B. Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của nhà nước

C. Có giá trị pháp lý cao nhất

**D. Bao gồm Tất cả**

**Câu 178: Luật hiến pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản nhất là:**

A. Chế độ chính trị

B. Chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ...

C. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 179: Hiến pháp được thông qua khi ít nhất có:**

A. Một phần hai tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành

**B. Hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành**

C. Ba phần tư tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành

D. Một trăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành

**Câu 180: Những chức danh nào sau đây bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội:**

A. Phó Thủ tướng Chính phủ

**B. Thủ tướng Chính phủ**

C. Bộ trưởng

D. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

**Câu 181: Pháp luật Việt Nam quy định độ tuổi tối thiểu để bầu cử đại biểu Quốc hội là:**

**A. 18**

B. 19

C. 20

D. 21

**Câu 182: Hình phạt được quy định trong:**

A. Luật hành chính

**B. Luật hình sự**

C. Luật Tố tụng hình sự

D. Tất cả đều đúng

**Câu 183: Quyền nào sau đây không phải là quyền nhân thân quy định trong chương III Luật dân sự 2005?**

**A. Quyền được thông tin**

B. Quyền xác định lại giới tính

C. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm

D. Quyền được khai sinh

**Câu 184: Các hình thức giao kết hợp đồng dân sự là:**

A. Hợp đồng miệng

B. Hợp đồng bằng văn bản

C. Hợp đồng bằng văn bản có chứng thực

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 185: Hợp đồng nào sau đây không quy định trong luật dân sự?**

A. Hợp đồng thuê nhà

B. Hợp đồng tặng cho tài sản

**C. Hợp đồng thương mại**

D. Hợp đồng hứa thưởng và thi có giải

**Câu 186: Khi nghiên cứu về quyền định đoạt (quy định trong Luật dân sự) thì khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Người là chủ sở hữu thì có quyền định đoạt tài sản của mình

**B. Người không phải là chủ sở hữu thì không có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu**

C. Người là chủ sở hữu được ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản của mình

D. Chủ sở hữu giao cho người thân định đoạt tài sản thay mình

**Câu 187: Việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân- gia đình được xác lập khi:**

**A. Ủy Ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn**

B. Một trong hai bên kết hôn có thể ủy quyền cho nhau đăng ký kết hôn để đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền

C. Quan hệ hôn nhân xác lập sau khi tổ chức tiệc cưới



D. Tòa án nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ tiến hành đăng kí kết hôn

**Câu 188: Khi tìm hiểu về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và các con, thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

- A. Con có bốn phận kính yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, lắng nghe lời khuyên bảo của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình
- B. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ
- C. Nghiêm cấm các con có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 189: Doanh nghiệp tư nhân là:**

A. Doanh nghiệp do nhiều cá nhân làm chủ

**B. Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm**

- C. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp do mọi người tham gia vào doanh nghiệp quyết định
- D. Một cá nhân được quyền thành lập nhiều

**Câu 190: Vi phạm hành chính là hành vi do:**

- A. Cá nhân, tổ chức thực hiện
- B. Xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước
- C. Hành vi đó không phải là tội phạm

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 191: Luật hình sự điều chỉnh:**

- A. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người vi phạm pháp luật
- B. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội
- C. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với người thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự**
- D. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với tổ chức phạm tội

**Câu 192: Các dấu hiệu để phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác là:**

- A. Tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội của hành vi**
- B. Tính có lỗi của người thực hiện hành vi
- C. Tính phải chịu trách nhiệm pháp lý
- D. Xâm hại quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

**Câu 193: Chủ thể của tội phạm là:**

- A. Chỉ có thể là tổ chức
- B. Chỉ có thể là cá nhân**
- C. Có thể là tổ chức và cũng có thể là cá nhân
- D. Chỉ có thể là công dân Việt Nam

**Câu 194: Theo Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, tội phạm được chia thành các loại:**

- A. Tội ít nghiêm trọng; tội nghiêm trọng; tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng**
- B. Tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng
- C. Tội ít nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng
- D. Tội không nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 195: Theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam thì hệ thống hình phạt gồm:**

- A. Hình phạt tù giam và các hình phạt khác
- B. Hình phạt cơ bản và hình phạt không cơ bản
- C. Hình phạt chủ yếu và hình phạt không chủ yếu
- D. Các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung**

**Câu 196: Mục đích của hình phạt trong luật hình sự Việt Nam hiện nay là:**

- A. Trừng trị người phạm tội và đấu tranh phòng chống tội phạm**
- B. Bắt người phạm tội bồi thường thiệt hại đã gây ra
- C. Trừng trị người phạm tội
- D. Giáo dục phòng ngừa chung

**Câu 197: Khi một người bị coi là có tội khi:**

- A. Bị cơ quan công an bắt theo lệnh bắt của Viện kiểm sát
- B. Bị cơ quan công an khởi tố, điều tra về hành vi vi phạm pháp luật
- C. Bị Tòa án đưa ra xét xử công khai
- D. Bị Tòa án ra bản án kết tội có hiệu lực pháp luật**

**Câu 198: Khi nghiên cứu về tội phạm thì:**

- A. Tội phạm là một hiện tượng mang tính tự nhiên
- B. Tội phạm là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử**
- C. Tội phạm là một hiện tượng tồn tại vĩnh viễn
- D. Tội phạm là một hiện tượng mang tính bẩm sinh

**Câu 199: Độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự là:**

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên

B. Từ đủ 15 tuổi trở lên

C. Từ đủ 16 tuổi trở lên

D. Từ đủ 18 tuổi trở lên

**Câu 200: Người từ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm:**

A. 15

B. 16

C. 17

D. 18

**Câu 201: Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là:**

A. Cơ quan điều tra – Tòa án – Cơ quan thi hành án

B. Viện kiểm sát – Tòa án – Cơ quan thi hành án

C. Tòa án - Viện kiểm sát – Cơ quan điều tra

D. Tất cả đều đúng

**Câu 202: Thủ tục tố tụng giải quyết một vụ án hình sự là:**

A. Khởi tố – điều tra – truy tố – xét xử – thi hành án hình sự

B. Điều tra – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm

C. Thụ lý vụ án – điều tra – xét xử – thi hành án

D. Điều tra – truy tố – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

**Câu 203: Bộ luật dân sự hiện hành của Việt Nam được ban hành vào năm nào?**

A. Năm 1995, có hiệu lực từ 1/7/1996

B. Năm 2005, có hiệu lực từ 1/7/2006

C. Năm 2005, có hiệu lực từ 1/1/2006

D. Năm 1995, được sửa đổi bổ sung năm 2005

**Câu 204: Luật dân sự điều chỉnh những quan hệ nào?**

A. Quan hệ nhân thân và quan hệ kinh tế

B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản

C. Quan hệ tài sản và quan hệ gia đình

D. Tất cả các quan hệ xã hội có liên quan đến tài sản

**Câu 205: Nội dung của quyền sở hữu bao gồm:**

- A. Quyền chiếm hữu
- B. Quyền sử dụng
- C. Quyền định đoạt

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 206: Khách thể của quyền sở hữu bao gồm:**

- A. Tài sản là vật có thực
- B. Tiền và giấy tờ trị giá được bằng tiền
- C. Các quyền về tài sản

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 207: Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự là:**

- A. Tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật, đạo đức xã hội
- B. Tự nguyện, bình đẳng
- C. Không được vi phạm phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc

**D. Cả A và B đều đúng**

**Câu 208: Có mấy hình thức thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam:**

**A. 2**

- B. 3
- C. 4
- D. 5

**Câu 209: Diện những người thừa kế theo pháp luật bao gồm:**

- A. Những người có tên trong nội dung của di chúc
- B. Những người theo thứ tự hàng thừa kế được quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự**
- C. Vợ, chồng; cha, mẹ; các con; người giám hộ của người để lại di sản
- D. Những người có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời với người để lại di sản

**Câu 210: Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, hình thức di chúc gồm các loại:**

- A. Di chúc bằng miệng trong trường hợp một người bị cái chết đe dọa
- B. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng hoặc không có người làm chứng
- C. Di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc có chứng thực

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 211: Độ tuổi kết hôn theo quy định của luật hôn nhân - gia đình là:**

**A. Nữ từ ĐỦ 18 tuổi trở lên; nam từ ĐỦ 20 tuổi trở lên**

- B. Công dân từ 18 tuổi trở lên
- C. Nam, nữ từ 20 tuổi trở lên
- D. Nam từ đủ 20 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi

**Câu 212: Theo quy định của luật hôn nhân – gia đình thì những trường hợp nào sau đây không bị cấm kết hôn:**

A. Có quan hệ trong phạm vi ba đời, có cùng dòng máu về trực hệ

**B. Kết hôn với người bị nhiễm HIV/AIDS**

C. Người mất năng lực hành vi dân sự

D. Những người cùng giới tính

**Câu 213: Thủ tục kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân – gia đình Việt Nam là:**

A. Chỉ cần tổ chức tiệc cưới

B. Phải đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân nơi bên nam thường trú

C. Phải đăng ký kết hôn tại Tòa án

**D. Phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân nơi bên nam hoặc bên nữ thường trú**

**Câu 214: Khi nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng thì khẳng định nào sau đây là đúng:**

A. Trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng không có quyền yêu cầu chia tài sản

B. Mọi tài sản có trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ, chồng

**C. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có quyền yêu cầu chia tài sản chung để tự kinh doanh riêng; thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng hoặc khi có lý do chính đáng khác**

D. Mọi tài sản có trước thời kỳ hôn nhân đều là tài sản riêng của vợ hoặc chồng

**Câu 215: Khi tìm hiểu về quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng thì khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Vợ, chồng có trách nhiệm ngang nhau đối với tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng

B. Vợ chồng có quyền ủy quyền cho nhau trong mọi vấn đề

**C. Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng**

D. Khi ly hôn thì toàn bộ tài sản của vợ, chồng phải chia đôi

**Câu 216: Năng lực hành vi đầy đủ của công dân khi tham gia quan hệ tố tụng dân sự là:**

A. Người không mắc bệnh tâm thần, chưa thành niên

B. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 16 tuổi trở lên

**C. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 18 tuổi trở lên**

D. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 21 tuổi trở lên

**Câu 217: Trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án dân sự nói chung là:**

**A. Thụ lý vụ án – hòa giải – xét xử – thi hành án dân sự**

B. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

C. Hòa giải – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm

D. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm

**Câu 218: Luật lao động điều chỉnh mối quan hệ giữa:**

A. Người sử dụng lao động với cơ quan nhà nước

B. Người làm công ăn lương với người sử dụng lao động

C. Người lao động, người sử dụng lao động và tổ chức Công đoàn

**D. Tất cả đều đúng**

**Câu 219: Khi nghiên cứu về hợp đồng lao động, thì khẳng định nào sau đây là đúng:**

**A. Hợp đồng lao động là căn cứ duy nhất điều chỉnh quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động**

B. Hợp đồng lao động chỉ có hiệu lực khi lập thành văn bản giữa người lao động và người sử dụng lao động

C. Hợp đồng lao động có thời hạn là nhằm bảo vệ người lao động

D. Hợp đồng lao động không có thời hạn có lợi cho người lao động nhất

**Câu 220: Luật lao động quy định độ tuổi tối thiểu để tham gia quan hệ lao động là:**

A. Cá nhân từ 16 tuổi trở lên

B. Cá nhân từ 15 tuổi trở lên

C. Cá nhân từ 18 tuổi trở lên

**D. Cá nhân từ đủ 15 tuổi trở lên**

**Câu 221: Trong quan hệ lao động, tiền lương là dựa trên:**

**A. Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với quy định của pháp luật**

B. Sự đề nghị của người lao động

- C. Sự quyết định của người sử dụng lao động
- D. Căn cứ của pháp luật về mức lương căn bản và tối thiểu của xã hội

**Câu 222: Điều 6 luật dạy nghề quy định có mấy trình độ đào tạo dạy nghề?**

A. Hai

**B. Ba**

C. Bốn

**Câu 223: Điều 4 luật dạy nghề quy định về mục tiêu dạy nghề là:**

A. Đào tạo nhân lực kỹ thuật cao, nhằm phục vụ cho sản xuất, dịch vụ

**B. Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ**

C. Tạo cho người học nghề có thu nhập để bảo đảm cuộc sống cho mình

D. Tạo cho người học nghề có khả năng làm được mọi công việc theo yêu cầu

**Câu 224: Điều 34 luật dạy nghề quy định về tuyển sinh học nghề là:**

A. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức thi tuyển

**B. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức xét tuyển**

C. Tuyển sinh học nghề chỉ được tuyển một lần trong năm

D. Tuyển sinh cao đẳng nghề chỉ được thực hiện theo hình thức thi tuyển

**Câu 225: Điều 35 luật dạy nghề quy định về hợp đồng dạy nghề:**

**A. Hợp đồng dạy nghề là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cơ sở dạy nghề với người học nghề**

B. Hợp đồng dạy nghề chỉ được giao kết bằng văn bản

C. Hợp đồng dạy nghề không được giao kết bằng lời nói

D. Tất cả đều đúng

## Phần 2

**Câu 1. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây có nguyên nhân là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:**

A. Nhà nước Giéc – manh.

**B. Nhà nước Rôma.**

C. Nhà nước Aten.

D. Các Nhà nước phương Đông.

**Câu 2. Theo học thuyết Mác – Lênin, nhận định nào sau đây là đúng:**

A. Tính chất giai cấp của nhà nước không đổi nhưng bản chất của nhà nước thì thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**B. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước không thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.**

C. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước luôn luôn thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.



D. Tính chất giai cấp của nhà nước luôn luôn thay đổi, còn bản chất của nhà nước là không đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

**Câu 3. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:**

A. Thành phố Huế

B. Thành phố Cần Thơ

C. Thành phố Đà Nẵng

D. Thành phố Hải Phòng

**Câu 4. Câu nào sau đây đúng với quy định được ghi trong Điều 15 Hiến pháp Việt Nam 1992, đã được sửa đổi, bổ sung:**

A. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN...".

B. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN..."

C. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh theo định hướng XHCN..."

D. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước theo định hướng XHCN..."

**Câu 5. Sự tồn tại của nhà nước:**

A. Là kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó tồn tại nhà nước

B. Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp

C. Là do ý chí của các thành viên trong xã hội với mong muốn thành lập nên nhà nước để bảo vệ lợi ích chung.

D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 6. Số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hiện nay của nước CHXHCN Việt Nam là:**

A. 62

B. 63

C. 64

D. 65

**Câu 7. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT**

A. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

- B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.
- C. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.
- D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

**Câu 8. Ngoài tính chất giai cấp, kiểu nhà nước nào sau đây còn có vai trò xã hội:**

- A. Nhà nước XHCN**
- B. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản
- C. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến
- D. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến; Nhà nước chủ nô

**Câu 9. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:**

- A. Do nhân dân bầu
- B. Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước**
- C. Do Chủ tịch nước giới thiệu
- D. Do Chính phủ bầu

**Câu 10. Theo Điều lệ ĐCS Việt Nam, nếu không có đại hội bất thường, thì mấy năm ĐCS Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc một lần:**

- A. 3 năm
- B. 4 năm
- C. 5 năm**
- D. 6 năm

**Câu 11. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang:**

- A. Việt Nam
- B. Pháp
- C. Ấn Độ**
- D. Cả B và C

**Câu 12. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:**

- A. Mêxicô
- B. Thụy Sĩ
- C. Séc**

D. Cả A, B và C

**Câu 13. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:**

A. Nhà nước đơn nhất

B. Nhà nước liên bang

C. Nhà nước liên minh

D. Cả A và C đều đúng

**Câu 14. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:**

A. Đức

B. Ấn Độ

C. Nga

D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 15. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:**

A. Ucraina

B. Maroc

C. Nam Phi

D. Cả A và C

**Câu 16. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:**

A. Đức

B. Bồ Đào Nha( Dân chủ nghị viện)

C. Hoa Kỳ (CH Tổng thống)

D. Cả A và B

**Câu 17. Nhà nước quân chủ hạn chế (quân chủ lập hiến) là nhà nước:**

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể do bầu cử mà ra.

C. Quyền lực nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước theo phương thức thừa kế và một CQNN khác.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể gồm những người quý tộc và được hình thành do thừa kế.

**Câu 18. Trong nhà nước quân chủ chuyên chế:**

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một một cơ quan tập thể và do bầu cử mà ra.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước thuộc về một người và được hình thành theo phương thức thừa kế.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể, được hình thành theo phương thức thừa kế.

**Câu 19. Nhà nước quân chủ là nhà nước:**

A. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung vào người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước hay thuộc về một tập thể, và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung toàn bộ hay một phần chủ yếu vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 20. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:**

A. Bộ thủy lợi

B. Bộ viễn thông

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 21. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:**

A. Bộ ngoại giao

B. Tài nguyên khoáng sản

C. Bộ y tế và sức khỏe cộng đồng

D. Cả B và C

**Câu 22. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:**

A. Từ đủ 15 tuổi

B. Từ đủ 18 tuổi ( tham gia bầu cử)

C. Từ đủ 21 Tuổi

D. Từ đủ 25 tuổi

**Câu 23. Kiểu nhà nước nào có sử dụng phương pháp thuyết phục để cai trị và quản lý xã hội:**

**A. Nhà nước XHCN**

- B. Nhà nước XHCN và nhà nước tư sản
- C. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản và nhà nước phong kiến
- D. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

**Câu 24. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:**

- A. Pháp lệnh
- B. Luật

**C. Hiến pháp**

- D. Nghị quyết

**Câu 25. Trong Tuyên ngôn ĐCS của C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”Đại từ nhân xưng “các ông” trong câu nói trên muốn chỉ ai?**

- A. Các nhà làm luật
- B. Quốc hội, nghị viện

**C. Nhà nước, giai cấp thống trị**

- D. Chính phủ

**Câu 26. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, thì:**

- A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân
- B. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân
- D. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

**Câu 27. Theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam 1998, công dân Việt Nam có:**

- A. 1 quốc tịch
- B. 2 quốc tịch
- C. 3 quốc tịch
- D. Nhiều quốc tịch

**Câu 28. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp:**

- A. Chủ tịch nước
- B. Quốc hội
- C. Chính phủ
- D. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

**Câu 29. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:**

- A. 2 kiểu pháp luật
- B. 3 kiểu pháp luật
- C. 4 kiểu pháp luật
- D. 5 kiểu pháp luật

**Câu 30. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:**

- A. 1 kỳ
- B. 2 kỳ
- C. 3 kỳ
- D. Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

**Câu 31. Số cơ quan trực thuộc chính phủ của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:**

- A. 8 cơ quan trực thuộc chính phủ
- B. 9 cơ quan trực thuộc chính phủ
- C. 10 cơ quan trực thuộc chính phủ
- D. 11 cơ quan trực thuộc chính phủ

**Câu 32. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, có mấy cấp xét xử:**

- A. 2 cấp
- B. 3 cấp
- C. 4 cấp
- D. 5 cấp

**Câu 33. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:**

- A. Thanh tra chính phủ
- B. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

C. Ngân hàng nhà nước

D. Cả A và C

**Câu 34. Nhiệm vụ của nhà nước là:**

A. Phương diện, phương hướng, mặt hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

B. Những vấn đề đặt ra mà nhà nước phải giải quyết, những mục tiêu mà nhà nước phải hướng tới.

C. Cả A và B.

D. Cả A và B đều sai

**Câu 35. Hội đồng nhân dân là:**

A. Cơ quan lập pháp

B. Cơ quan hành pháp

C. Cơ quan tư pháp

D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 36. Cơ quan nào sau đây có chức năng quản lý hành chính:**

A. Quốc hội

B. Chính phủ

C. UBND các cấp

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 37. Nhiệm vụ của nhà nước:**

A. Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

B. Xóa đói giảm nghèo

C. Điện khí hóa toàn quốc

D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 38. Khẳng định nào là đúng:**

A. Mọi thị xã là nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh

C. Cả A và B đều đúng

B. Mọi thị trấn là nơi đặt trung tâm hành chính của huyện

D. Cả A và B đều sai

**Câu 39. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Chủ tịch nước Nước CHXHCN Việt Nam:**

A. Do nhân dân bầu ra

- B. Do Quốc hội bầu ra
- C. Do nhân dân bầu và Quốc hội phê chuẩn
- D. Được kế vị

**Câu 40. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:**

- A. 1 kỳ
- B. 2 kỳ
- C. 3 kỳ
- D. Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

**Câu 41. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:**

- A. Chủ tịch nước
- B. Quốc hội
- C. Chính phủ
- D. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

**Câu 42. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.**

- A. Luật tổ chức Quốc hội
- B. Luật tổ chức Chính phủ
- C. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND
- D. Hiến pháp

**Câu 43. Người nước ngoài được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật doanh nghiệp, khi:**

- A. Có vợ là người Việt Nam
- B. Có sở hữu nhà tại Việt Nam
- C. Có con là người Việt Nam
- D. Có thẻ thường trú tại Việt Nam

**Câu 44: Người VN định cư ở nước ngoài:**

- A. Không được thành lập doanh nghiệp tại VN
- B. Được thành lập doanh nghiệp như người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại VN
- C. Được thành lập doanh nghiệp như người Việt Nam
- D. Cả A, B và C đều sai



**Câu 45. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:**

- A. Áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.
- C. Cả A và B đều đúng
- B. Áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.
- D. Cả A và B đều sai

**Câu 46. Quyền tham gia ký hợp đồng lao động đối với cá nhân:**

- A. Từ đủ 14 tuổi
- B. Từ đủ 15 tuổi
- C. Từ đủ 16 tuổi
- D. Từ đủ 18 tuổi

**Câu 47. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:**

- A. Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc.
- B. Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.
- C. Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

**Câu 48. Hiến pháp xuất hiện:**

- A. Từ nhà nước chủ nô
- B. Từ nhà nước phong kiến
- C. Từ nhà nước tư sản
- D. Từ nhà nước XHCN

**Câu 49. Mỗi một điều luật:**

- A. Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.
- B. Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL
- C. Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL
- D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 50. Khẳng định nào là đúng:**

- A. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

B. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

C. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 51. Cơ quan nào có thẩm quyền hạn chế NLHV của công dân:**

A. Viện kiểm sát nhân dân

B. Tòa án nhân dân

C. Hội đồng nhân dân; UBND

D. Quốc hội

**Câu 52. Trong một nhà nước:**

A. NLPL của các chủ thể là giống nhau.

B. NLPL của các chủ thể là khác nhau.

C. NLPL của các chủ thể có thể giống nhau, có thể khác nhau, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 53. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:**

A. Chức năng điều chỉnh các QHXX

B. Chức năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

C. Chức năng bảo vệ các QHXX

D. Chức năng giáo dục

**Câu 54. Các thuộc tính của pháp luật là:**

A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

D. Cả A và B đều sai

**Câu 55. Các thuộc tính của pháp luật là:**

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

D. Cả A và B đều sai

**Câu 56. Việc tòa án thường đưa các vụ án đi xét xử lưu động thể hiện chủ yếu chức năng nào của pháp luật:**

- A. Chức năng điều chỉnh các QHXX
- B. Chức năng bảo vệ các QHXX
- C. Chức năng giao dục pháp luật
- D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 57. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự chưa đầy đủ, khi:**

- A. Dưới 18 tuổi
- B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi
- C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi
- D. Dưới 21 tuổi

**Câu 58. Khẳng định nào là đúng:**

- A. Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật
- B. Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật
- C. Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật
- D. Cả A và B

**Câu 59. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:**

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Tòa án nhân dân
- D. Viện kiểm sát nhân dân

**Câu 60. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:**

- A. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- B. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm
- C. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.
- D. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

**Câu 61. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:**

- A. Tòa kinh tế
- B. Tòa hành chính
- C. Tòa dân sự
- D. Tòa hình sự

**Câu 64. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xuất hiện từ khi nào:**

- A. Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô
- B. Từ khi xuất hiện nhà nước phong kiến
- C. Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản
- D. Từ khi xuất hiện nhà nước XHCN

**Câu 65. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:**

- A. Tòa án nhân dân huyện
- B. Tòa án nhân dân tỉnh
- C. Tòa án nhân dân tối cao
- D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 66. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:**

- A. Khi có QPPL điều chỉnh QHXXH tương ứng
- B. Khi xảy ra SKPL
- C. Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể
- D. Cả A, B và C

**Câu 67. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:**

- A. Luật, nghị quyết
- B. Luật, pháp lệnh
- C. Pháp lệnh, nghị quyết
- D. Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

**Câu 68. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:**

- A. Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh
- B. Ngành luật đó phải có phương pháp điều chỉnh
- C. Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL

D. Cả A và B

**Câu 69. UBND và chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:**

- A. Nghị định, quyết định
- B. Quyết định, chỉ thị
- C. Quyết định, chỉ thị, thông tư
- D. Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

**Câu 70. Theo quy định của Hiến pháp 1992, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:**

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Tổng bí thư
- D. Thủ tướng chính phủ

**Câu 71. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:**

- A. Ban hành mới VBPL
- B. Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành
- C. Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành
- D. Cả A, B và C.

**Câu 72. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:**

- A. Nghị quyết
- B. Nghị định
- C. Nghị quyết, nghị định
- D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

**Câu 73. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:**

- A. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.
- B. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức
- C. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp
- D. Cả A, B và C đều sai

**Câu 74. Khẳng định nào là đúng:**

- A. Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm
- D. Cả B và C
- B. Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự
- C. Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm

**Câu 75. Tuân thủ pháp luật là:**

- A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.
- B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.
- C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.
- D. Cả A và B

**Câu 76. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:**

- A. Trách nhiệm hành chính
- B. Trách nhiệm hình sự
- C. Trách nhiệm dân sự
- D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 77. Thi hành pháp luật là:**

- A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.
- B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.
- C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.
- D. A và B đều đúng

**Câu 78. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát, tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:**

- A. Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.
- B. Phát hiện ra tình tiết mới, quan trọng của vụ án.
- C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.
- D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 79. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:**

- A. VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
- B. VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.
- C. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.
- D. Cả A, B và C.

**Câu 80. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:**

- A. Luôn luôn chứa đựng các QPPL
- B. Mang tính cá biệt – cụ thể
- C. Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách
- D. Cả A, B và C đều đúng